

Bản án số: 96/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 30- 09- 2024  
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hồng Hạnh

*Các hội thẩm nhân dân:* Bà Đỗ Thị Ngân

Ông Nguyễn Tấn Hùng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Phương Ánh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Minh Nguyệt, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 09 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 387/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 08 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 52/2024/QĐST- HNGĐ ngày 12 tháng 09 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị Ánh N, sinh năm 1987 (*vắng mặt nhưng đã có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt*)

Địa chỉ: Tổ 16, Ấp B, xã B, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

- Bị đơn: Ông Ngô Văn M, sinh năm 1984 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Tổ 16, Ấp B, xã B, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Qua quá trình tìm hiểu, bà N và ông M tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2008, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 116 ngày 17/12/2008). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống hạnh phúc tại Tổ 16, ấp B, xã B, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu được một thời gian thì đến khoảng cuối năm 2021 thì hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng.

Nguyên nhân là do trong quá chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã do bất đồng quan điểm, không có sự tôn trọng lẫn nhau làm cho không khí gia đình trở nên căng thẳng. Trong thời gian này bà N và ông M đã cố gắng hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả gì. Bà N và ông M đã sống ly thân 02 năm nay.

Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ngô Văn M.

- Về con chung: Bà N và ông M có 04 con chung cháu Ngô Anh K, sinh ngày 11/2/2008, Ngô Anh T, sinh ngày 20/02/2013, Ngô Anh T, sinh ngày 05/5/2019 và Ngô Ngọc Như Y, sinh ngày 04/8/2020. Sau khi ly thân hai cháu Ngô Anh T và Ngô Ngọc Như Y sống với bà N còn 02 cháu Ngô anh K và Ngô Anh T sống với ông M. Hiện nay, bà có nghề nghiệp buôn bán, thu nhập 9.000.000đ/tháng, thời gian làm việc chủ động. Do đó, bà N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là cháu Ngô Anh T, sinh ngày 05/5/2019 và Ngô Ngọc Như Y, sinh ngày 04/8/2020 đến khi hai con trưởng thành. Bà N nhường quyền nuôi dưỡng cháu Ngô Anh K, sinh ngày 11/2/2008; và Ngô Anh T, sinh ngày 20/02/2013 cho ông Ngô Văn M được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con trưởng thành. Bà N và ông M không ai cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Đối với bị đơn:* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Ngô Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt và không gửi ý kiến cho Tòa án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết trong vụ án:*

Về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật về nội dung tranh chấp, thu thập chứng cứ đầy đủ và xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc xét xử trong phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt, vi phạm quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Ánh N, Tòa án đã triệu tập ông Ngô Văn M để làm việc, hòa giải hôn nhân nhưng ông M không đến Tòa làm việc. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông M ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Phan Thị Ánh N. Về con

chung: Bà N và ông M có 04 con chung là Ngô Anh K, sinh ngày 11/2/2008, Ngô Anh T, sinh ngày 20/02/2013, Ngô Anh T, sinh ngày 05/5/2019 và Ngô Ngọc Như Y, sinh ngày 04/8/2020, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao 02 con chung Ngô Anh T, Ngô Ngọc Như Y cho bà N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các con trưởng thành. Giao 02 con chung là cháu Ngô Anh K, Ngô Anh T cho ông Ngô Văn M được trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung; nơi cư trú hiện nay của ông Ngô Văn M là tại Tổ 16, Ấp B, xã B, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Phan Thị Ánh N có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Ngô Văn M đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà N, ông M theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Ánh N và ông Ngô Văn M tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 116, ngày 17/12/2008. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông M là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, bà N và ông M phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến cuộc sống vợ chồng luôn trong tình trạng căng thẳng. Năm 2022, bà N và ông M đã ly thân, không sống cùng với nhau nữa.

Đối với bị đơn ông Ngô Văn M: Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của bà N, Tòa án đã triệu tập ông Ngô Văn M để làm việc nhưng ông M vẫn vắng mặt, điều này chứng tỏ ông Ngô Văn M không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nhận thấy, mâu thuẫn giữa bà Phan Thị Ánh N và ông Ngô Văn M ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Do đó, áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Phan Thị Ánh N.

[2.2] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà N và ông M có 04 con chung là cháu Ngô Anh K, sinh ngày 11/2/2008, Ngô Anh T, sinh ngày 20/02/2013, Ngô Anh T, sinh ngày 05/5/2019 và Ngô Ngọc Như Y, sinh ngày 04/8/2020. Sau khi ly hôn, bà N có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung

là cháu Ngô Anh T, Ngô Ngọc Như Y, giao cho ông Ngô Văn M được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Ngô Anh K, Ngô Anh T đến khi các con trưởng thành, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Hai cháu Ngô Anh K, Ngô Anh T đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở cùng với ông M là phù hợp với ý kiến của bà N. Hiện nay, bà Phan Thị Ánh N có việc làm, thu nhập và có chỗ ở ổn định. Trong khi ông M không có ý kiến gì về việc nuôi con.

Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử quyết định giao cho bà Phan Thị Ánh N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là cháu Ngô Anh T, Ngô Ngọc Như Y và giao cho ông Ngô Văn M được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là cháu Ngô Anh K, Ngô Anh T cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Do đó, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà Phan Thị Ánh N phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo luật định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; 147, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Ánh N đối với ông Ngô Văn M về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Ánh N được ly hôn với ông Ngô Văn M.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà N và ông M có 04 con chung là cháu Ngô Anh K, sinh ngày 11/2/2008, Ngô Anh T, sinh ngày 20/02/2013, Ngô Anh T, sinh ngày 05/5/2019 và Ngô Ngọc Như Y, sinh ngày 04/8/2020.

Giao 02 con chung là cháu Ngô Anh K và Ngô Anh T cho ông Ngô Văn M được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Giao 02 con chung là cháu Ngô Anh T, Ngô Ngọc Như Y cho bà Phan Thị Ánh N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không

trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Phan Thị Ánh N phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0008893 ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức. Như vậy, bà N đã nộp xong.

3. Trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND H. Châu Đức
- TAND tỉnh BR-VT.
- Chi cục THADS H. Châu Đức;
- UBND xã Bình Ba, H Châu Đức;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Trần Thị Hồng Hạnh**